

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MỸ LỘC
TỈNH NAM ĐỊNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 09/2023/HNGĐ-ST

Ngày 18 - 8 - 2023

“V/v anh T và chị H ly hôn”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỸ LỘC, TỈNH NAM ĐỊNH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Công

Các Hội thẩm nhân dân :

Bà Vũ Thị Thanh Hoa

Ông Nguyễn Hữu Tinh

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Bùi Thị Huyền Thương - Thẩm tra viên của Toà án nhân dân huyện Mỹ Lộc, tỉnh Nam Định.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Lộc, tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Trang - Kiểm sát viên

Ngày 18 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Mỹ Lộc, tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 15/2023/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 3 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 7 năm 2023, giữa:

Nguyên đơn: Anh Phạm Văn T, sinh năm 1972. Có mặt.

Bị đơn: Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1978. Có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Bà Hoàng Thị L, sinh năm 1929. Vắng mặt.

Cùng nơi cư trú: thôn A, xã M, huyện M, tỉnh Nam Định.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng tại Toà án nguyên đơn anh Phạm Văn T trình bày:

Anh và chị Nguyễn Thị H đăng ký kết hôn ngày 01/4/2004 tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện M, tỉnh Nam Định trên cơ sở tự nguyện theo đúng quy định của pháp luật. Trong quá trình chung sống giữa anh và chị H xảy ra một số mâu thuẫn do không tìm được tiếng nói chung, quan điểm sống bất đồng, hai vợ chồng đã nhiều lần tìm cách giải quyết mâu thuẫn nhưng không giải quyết được. Từ năm 2016 đến nay anh T, chị H mặc dù cùng sống chung nhưng hai bên đã không còn quan tâm chăm sóc đến nhau nữa. Nay anh T xác định tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân không có hạnh phúc nên đề nghị Tòa án giải quyết cho anh T được ly hôn với chị Nguyễn Thị H.

Về con chung: Anh T, chị H có 02 con chung tên là Phạm Ngọc C, sinh ngày 06/4/2005 và Phạm Thành Q, sinh ngày 13/9/2013. Hiện nay, cháu C đã trưởng thành tự lập được. Khi ly hôn, anh T có nguyện vọng được nuôi cháu Q. Nếu được nuôi cháu Q anh T không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con chung

Về tài sản chung: Anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết. Chị H yêu cầu anh T trả cho chị H 100 triệu đồng anh không đồng ý.

Tại phiên tòa anh T tự nguyện nhận trả chị H 50.000.000 đồng để chị H tạo lập, ổn định cuộc sống sau khi ly hôn.

Theo bản tự khai và trong quá trình tố tụng tại Tòa án bị đơn chị Nguyễn Thị H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị H nhất trí về thời gian và địa điểm đăng ký kết hôn như anh T đã trình bày là đúng. Trong quá trình chung sống chị H nhận thấy rằng giữa vợ chồng chị không có mâu thuẫn gì lớn, không to tiếng, không đánh cãi chửi nhau. Nguyên nhân anh T làm đơn xin ly hôn với chị là do anh T có quan hệ ngoại tình, nếu anh T biết sửa chữa sai lầm, quay về với gia đình thì chị H sẽ tha thứ. Nay anh T đề nghị giải quyết ly hôn, chị H không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Chị H, anh T có 02 con chung tên là Phạm Ngọc C, sinh ngày 06/4/2005 và Phạm Thành Q, sinh ngày 13/9/2013. Tại phiên tòa, chị Hương đề nghị được nuôi cháu Q sau khi ly hôn và nếu được nuôi cháu Q thì chị không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị H có đơn yêu cầu Tòa án chia tài sản chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân. Sau khi kết hôn anh T, chị H sống tại thôn A, xã M cùng với mẹ chồng là bà Hoàng Thị L, sinh năm 1929 trong 03 gian nhà mái gói, vách đất. Do nhà xây đã lâu nên xuống cấp trầm trọng vì vậy đến năm 2010, mẹ chồng chị H đã bàn bạc với anh T về việc thống nhất xây nhà mới khang trang hơn để ở trên nền đất của bố mẹ chồng. Trên nền nhà cũ vợ chồng chị H và bà L đã xây được một ngôi nhà 02 tầng mái bằng, mỗi tầng có diện tích là 50m², tổng hai tầng là 100m², giá trị tại thời điểm xây là 400.000.000 đồng và một công trình phụ với diện tích 70m² trị giá tại thời điểm xây là 100.000.000 đồng. Đất này

thuộc thửa đất số 43, tờ đồ số 18 đã được Ủy ban nhân dân huyện Mỹ Lộc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 78081 ngày 25 tháng 5 năm 1998 mang tên hộ bà Phạm Thị C (tên gọi khác của bà Hoàng Thị L là mẹ anh T. Số tiền xây nhà tại thời điểm đó chủ yếu là của bà L bỏ ra. Khi xây nhà do kinh tế còn khó khăn nên tại thời điểm xây, vợ chồng chị H có góp với bà L 6.000.000 đồng để xây nhà, mua hoa quả, nước uống cho thợ xây và sau khi đi làm về chị H còn tham gia vào việc đội đất, bê cát ... làm rất nhiều công việc phụ trong thời gian 03 tháng xây nhà, nên cũng có công sức đóng góp. Nay anh T và bà L vẫn sinh sống tại ngôi nhà này vì vậy chị H yêu cầu anh T trả cho chị số tiền 100 triệu đồng.

Tại phiên tòa: Chị H đồng ý nhận số tiền 50.000.000 đồng do anh T trả cho chị để chị tạo lập, ổn định cuộc sống sau khi ly hôn, chị không đề nghị thêm gì nữa.

Theo bản ghi lời khai và trong quá trình tố tụng tại Tòa án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Hoàng Thị L trình bày:

Bà L xác định thời gian xây dựng ngôi nhà như chị H, anh T trình bày là đúng. Năm 2010, ngôi nhà cũ do vợ chồng bà xây dựng đã xuống cấp trầm trọng nên bà L đã bỏ tiền và đứng lên xây dựng ngôi nhà. Cụ thể năm 2010 bà L có xây dựng được một ngôi nhà 02 tầng, mỗi tầng 50m² có tổng diện tích 100m² và một công trình phụ có diện tích khoảng 70m² tại thôn A, xã M, huyện M, tỉnh Nam Định trên thửa đất số 43, tờ bản đồ số 18 đã được Ủy ban nhân dân huyện Mỹ Lộc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 78081 ngày 25 tháng 5 năm 1998 mang tên hộ bà Phạm Thị C. Bà Phạm Thị C và bà Hoàng Thị L là cùng một người. Ngôi nhà đó xây dựng chủ yếu từ tiền của bà L còn anh T, chị H chỉ đóng góp một phần rất nhỏ vào xây dựng ngôi nhà. Anh T có đưa cho bà L 6.000.000 đồng tiền mặt nói chị H thêm cho bà làm nhà. Anh T có mua lát vật, lớp mái tôn, chị H phụ hồ 03 tháng làm nhà (phụ hồ sau khi đi làm về), thỉnh thoảng mua nước và hoa quả cho thợ ăn giữa buổi.

Nay bà L đề nghị Tòa án căn cứ theo quy định của pháp luật để xem xét giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Lộc, tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng đều tuân thủ, thực hiện và chấp hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Xử lý ly hôn giữa anh Phạm Văn T và chị Nguyễn Thị H. Giao cháu Phạm Thành Q cho chị Nguyễn Thị H trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận việc chị H không đề nghị anh T cấp dưỡng nuôi con chung. Ghi nhận việc anh T và

chị H tự nguyện thỏa thuận thống nhất anh T trả cho chị H số tiền 50.000.000 đồng để tạo lập cuộc sống sau khi ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[1] Về tố tụng: Bà Hoàng Thị L vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn đề nghị Toà án xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Toà án tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh T, chị H kết hôn với nhau tự nguyện đã đăng ký kết hôn ngày 01 tháng 4 năm 2004 tại Ủy ban nhân dân xã Mỹ Thành, huyện Mỹ Lộc, tỉnh Nam Định theo đúng quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình nên đây là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống anh T khai nhận giữa hai vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn không tìm được tiếng nói chung. Chị H khai nhận hai vợ chồng không xảy ra mâu thuẫn gì, không xảy ra đánh cãi chửi nhau, bản thân anh T có quan hệ ngoại tình nên làm đơn ly hôn vì vậy chị H không đồng ý ly hôn. Căn cứ Điều 19 Luật Hôn nhân và Gia đình: “Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình”. Tuy nhiên cả anh T và chị H đều thừa nhận mặc dù vẫn sống chung dưới một mái nhà nhưng hai vợ chồng từ năm 2016 cho đến nay không còn quan tâm đến nhau nữa. Toà án đã hoà giải nhiều lần nhưng anh T vẫn giữ quan điểm đề nghị ly hôn. Như vậy, Toà án xác định quan hệ hôn nhân giữa anh T, chị H đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình cho anh T được ly hôn với chị H.

[3] Về con chung: Anh T, chị H có 02 con chung tên là Phạm Ngọc C, sinh ngày 06/4/2005 và Phạm Thành Q, sinh ngày 13/9/2013. Cháu C đã trưởng thành, tự lập được. Tại phiên tòa, anh T, chị H đều có nguyện vọng được quyền trực tiếp nuôi dưỡng cháu Q và không yêu cầu người kia cấp dưỡng nuôi con chung. Tại biên bản lấy lời khai ngày 16/5/2023 cháu Q có nguyện vọng muốn sống cùng mẹ, sau đó lời khai ngày 21/7/2023 cháu Q lại có nguyện vọng sống cùng bố. Tại phiên tòa, cháu Q có nguyện vọng muốn sống với mẹ. Xét thấy, chị H là người có công việc, thu nhập ổn định với mức lương trung bình 03 tháng gần nhất là 5.336.824 đồng. Tại phiên tòa, chị H đã cung cấp Hợp đồng thuê nhà sau khi ly hôn. Vì vậy giao cháu Phạm Thành Q cho chị Nguyễn Thị H được quyền trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp, đảm bảo quyền lợi và sự phát triển về mọi mặt của cháu.

[4] Về tài sản chung: Tại phiên tòa anh T, chị H tự nguyện thỏa thuận thống nhất anh T trả cho chị H số tiền 50.000.000 đồng để chị H ổn định và tạo lập cuộc sống sau khi ly hôn. Xét thấy việc thỏa thuận giữ hai người là hoàn toàn tự nguyện,

không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội nên chấp nhận việc thoả thuận giữa hai người.

[5] Về chi phí tố tụng: Chị H có yêu cầu về chia tài sản, yêu cầu xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản. Tại phiên toà chị H và anh T thoả thuận với nhau về số tiền anh T phải trả cho chị H, đồng thời chị H không yêu cầu về chia tài sản nữa nên các cứ Điều 157, Điều 165 Bộ luật Tố tụng dân sự chị H phải chịu toàn bộ chi phí tố tụng. Chị H đã nộp tiền tạm ứng và được thanh toán xong các khoản tiền chi phí tố tụng.

[6] Về án phí dân sự: Anh T có nghĩa vụ nộp án phí ly hôn sơ thẩm. Chị Hương phải chịu án phí tài sản theo quy định của pháp luật.

Vĩ các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 228, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 56, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Nghị quyết số 326/2016/NQUBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí Tòa án.

1. Xử cho ly hôn giữa anh Phạm Văn T và chị Nguyễn Thị H.

2. Giao cháu Phạm Thành Q, sinh ngày 13 tháng 9 năm 2013 cho chị Nguyễn Thị H trực tiếp nuôi dưỡng. Chấp nhận việc chị H không yêu anh T phải cấp dưỡng nuôi con. Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận giữa anh T và chị H. Anh T có nghĩa vụ thanh toán cho chị H số tiền 50.000.000 đồng. Khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày chị H có đơn yêu cầu thi hành án, hàng tháng anh T còn phải trả một khoản tiền lãi của số tiền chưa thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015.

4. Án phí: Anh Phạm Văn T phải nộp án phí ly hôn là 300.000 đồng được trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp án phí tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Mỹ Lộc theo biên lai số 0004089 ngày 24 tháng 3 năm 2023. Anh T đã nộp xong án phí.

Chị H phải chịu án phí tài sản là 2.500.000 đồng được đối trừ vào số tiền 5.000.000 đồng đã nộp án phí tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Mỹ Lộc theo biên lai số 0004110 ngày 26 tháng 5 năm 2023. Hoàn trả cho chị H số tiền 2.500.000 đồng.

5. Về quyền kháng cáo: Anh T, chị H có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bà L có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Nam Định;
- VKSND huyện Mỹ Lộc;
- Chi cục THADS huyện Mỹ Lộc;
- UBND xã M;
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thành Công